
CÔNG TY CỔ PHẦN 482

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán bởi

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	7 - 38
<i>Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016</i>	<i>7 - 10</i>
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016</i>	<i>11</i>
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2016</i>	<i>12 - 13</i>
<i>Bản thuyết minh báo cáo tài chính năm 2016</i>	<i>14 - 37</i>
Phụ lục 1: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu khách hàng ngắn hạn khó đòi	38

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần 482 là doanh nghiệp được chuyển đổi hình thức sở hữu từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Xây dựng Công trình 482 sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 1226/QĐ-BGTVT của Bộ Giao thông Vận tải ngày 29 tháng 4 năm 2004. Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2703000455 ngày 16 tháng 12 năm 2004 và Giấy chứng nhận chứng nhận đăng ký Công ty Cổ phần số 2900324346 ngày 16 tháng 12 năm 2004.

Trong quá trình hoạt động công ty được cấp bổ sung thay đổi 09 lần thay đổi đăng ký kinh doanh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 09 được Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Nghệ An cấp ngày 30 tháng 5 năm 2016.

Vốn điều lệ theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần 9: 50.000.000.000 VND

Vốn điều lệ thực góp tại thời điểm 31/12/2016: 50.000.000.000 VND

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Ông Lê Hòa Nguyễn	3.441.250.000	6,88%
Ông Hoàng Quyết Chiến	6.681.620.000	13,36%
Bà Phan Thị Huệ	6.010.000.000	12,02%
Ông Nguyễn Trọng Cẩm	2.848.500.000	5,70%
Các cổ đông khác	31.018.630.000	62,04%
Cộng	50.000.000.000	100%

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 155 Đường Trường Chinh, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
 Điện thoại : 038 3853200
 Email : Congty482@congy482.com.vn
 Mã số thuế : 29 0 0 3 2 4 3 4 6

Ngành nghề kinh doanh

- Đầu tư xây dựng hạ tầng, khu dân cư, khu đô thị, khu thương mại, giao thông, vận tải, thủy lợi, thủy điện, công nghiệp, khu du lịch;
- Kinh doanh, khai thác các dịch vụ về nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp, nhà hàng, khách sạn, nhà nghỉ, kinh doanh du lịch lữ hành;
- Vận chuyển hàng hóa đường bộ, vận chuyển hành khách đường bộ (theo hợp đồng, khách du lịch...);
- Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp, dân dụng, thủy điện, sân bay, bên cảng, công trình ngầm, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, công trình cấp thoát nước, đường điện, trạm biến áp, xây dựng kết cấu công trình. Nạo vét, đào đắp và san lấp mặt bằng ; trang trí nội thất công trình xây dựng;
- Gia công kết cấu bê tông đúc sẵn; gia công sửa chữa cơ khí;
- Sửa chữa xe máy, thiết bị ngành xây dựng, cho thuê thiết bị kho bãi;
- Sản xuất, mua bán vật tư, vật liệu, máy móc thiết bị, cấu kiện bê tông, cấu kiện bằng kim loại;
- Mua bán nguyên vật liệu phục vụ sản xuất ngành công nghiệp;
- Thí nghiệm vật liệu thi công công trình, dịch vụ kiểm tra, kiểm định, đánh giá chất lượng công trình;
- Tư vấn khảo sát, thiết kế xây dựng công trình cầu, đường bộ;
- Tư vấn sử dụng vật liệu xây dựng, tư vấn đầu tư xây dựng./.

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 38).

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2016 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Trần Văn Long	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2016
Ông Nguyễn Trọng Cẩm	Thành viên	Miễn nhiệm CT HĐQT ngày 24 tháng 4 năm 2016
Ông Đặng Văn Khoa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 12 năm 2016
Ông Hoàng Quyết Chiến	Thành viên	
Ông Lại Văn Hữu	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 3 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Hòa Nguyễn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 31 tháng 3 năm 2016

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Dương Lê Tĩnh	Trưởng ban
Ông Phạm Thế Anh	Ủy viên
Bà Phan Thị Huệ	Ủy viên

Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	
Ông Trần Văn Long	Giám đốc	
Ông Đặng Văn Khoa	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 02 tháng 12 năm 2016
Ông Trần Quốc Bình	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 10 năm 2016
Ông Phan Xuân Bảo	Phó Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 21 tháng 4 năm 2017
Ông Hoàng Quốc Chiến	Phó Giám đốc	
Ông Cao Hòa Thanh	Phó Giám đốc	
Ông Nguyễn Trọng Cẩm	Phó Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2017

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

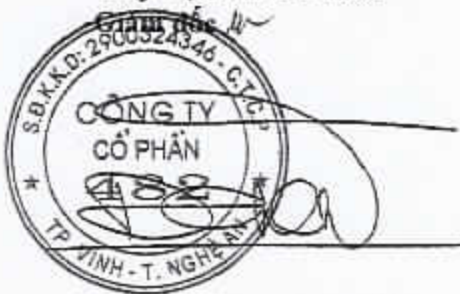
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/QĐ-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trần Văn Long

Ngày 24 tháng 5 năm 2017



Kết nối - Phát triển

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT
NHANTAMVIET AUDITING COMPANY

Số : 2906.01/2016/BCTC-NVT1
Ngày : 24 tháng 5 năm 2017

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2016

Kính gửi : **Các cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc Công ty Cổ phần 482**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần 482, được lập ngày 24 tháng 5 năm 2017 từ trang 07 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần 482 chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu lập kế hoạch và thực hiện để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Trụ Sở Chính:

Số 187 đường Nguyễn Lương Bằng, P. Quang Trung, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội
[T] (84-4) 3761 3399 [F] (84-4) 3761 5599 [W] www.ntva.vn [E] vpa@ntva.vn

Chi nhánh tại Hà Nội:

47 Vũ Trọng Phụng, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội

Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh:

Tòa nhà Hoàng Anh Safomec- 7/1 Thành Thái, P. 14, Q. 10, TP. Hồ Chí Minh

Chi nhánh tại TP. Hải Phòng:

K3/125, Tô Hiệu, P. Trại Cau, Q. Lê Chân, TP. Hải Phòng

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đề cập đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần 482 tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Hồng Thanh

GCNĐKHNKT số: 0053-2014-124-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Thị Hạnh

GCNĐKHNKT số: 1690-2014-124-1

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Địa chỉ: Số 155 Đường Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		435.182.062.262	495.502.475.837
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.108.624.995	15.390.378.662
1. Tiền	111		2.908.624.995	8.780.378.662
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.200.000.000	6.610.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	2.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	-	2.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		175.056.284.105	166.080.709.633
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	119.883.340.168	96.347.304.081
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	14.273.359.114	24.535.809.817
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	7.008.000.000	7.008.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6	37.069.206.058	39.537.017.680
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(3.177.621.235)	(1.347.421.945)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		255.002.362.279	312.031.387.542
1. Hàng tồn kho	141	V.8	255.002.362.279	312.031.387.542
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.790.883	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		14.790.883	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Địa chỉ: Số 155 Đường Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		61.270.328.781	61.247.043.966
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		13.735.898.000	1.935.898.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.9	13.735.898.000	1.935.898.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		47.275.933.270	58.561.652.468
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	47.261.176.326	58.525.645.524
<i>Nguyên giá</i>	222		147.707.479.510	149.681.947.934
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(100.446.303.184)	(91.156.302.410)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	14.756.944	36.006.944
<i>Nguyên giá</i>	228		85.000.000	85.000.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(70.243.056)	(48.993.056)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		258.497.511	749.493.498
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	258.497.511	749.493.498
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		496.452.391.043	556.749.519.803

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Địa chỉ: Số 155 Đường Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C- NỢ PHẢI TRẢ	300		446.547.334.039	515.628.120.180
I. Nợ ngắn hạn	310		443.508.916.728	505.812.199.931
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	141.758.107.035	150.093.543.217
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	71.802.998.271	110.403.588.009
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	14.576.722.067	6.855.659.961
4. Phải trả người lao động	314		8.499.287.977	10.677.934.579
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	6.740.974.194	10.817.105.707
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	92.639.294.553	75.158.029.537
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	107.491.532.631	141.806.338.921
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		3.038.417.311	9.815.920.249
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19	750.844.766	972.508.206
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	2.287.572.545	8.646.976.545
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.21	-	196.435.498
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Địa chỉ: Số 155 Đường Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		49.905.057.004	41.121.399.623
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	49.905.057.004	41.121.399.623
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		50.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		50.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		(141.990.000)	4.016.189.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	6.483.311.000
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		47.047.004	621.399.623
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		-	(10.000)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		47.047.004	621.409.623
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		496.452.391.043	556.749.519.803

Người lập biểu



Nguyễn Đình Phong

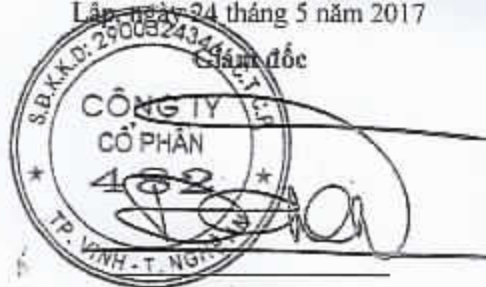
Kế toán trưởng



Nguyễn Khắc Thiện

Lập ngày 24 tháng 5 năm 2017

Kiểm soát



Trần Văn Long

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Địa chỉ: Số 155 Đường Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL1	304.968.932.407	446.000.690.704
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		730.145.247	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		304.238.787.160	446.000.690.704
4. Giá vốn hàng bán	11	VL2	276.246.267.225	409.285.660.675
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		27.992.519.935	36.715.030.029
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL3	337.878.227	383.691.181
7. Chi phí tài chính	22	VL4	16.916.954.097	19.493.745.768
Trong đó: chi phí lãi vay	23		16.916.954.097	19.493.745.768
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL5	10.595.116.257	16.493.123.404
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		818.327.808	1.111.852.038
11. Thu nhập khác	31	VL6	58.806.987	845.538.754
12. Chi phí khác	32	VL7	654.660.832	786.871.381
13. Lợi nhuận khác	40		(595.853.845)	58.667.373
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		222.473.963	1.170.519.411
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		175.426.959	549.109.788
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>47.047.004</u>	<u>621.409.623</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL8	<u>9</u>	<u>138</u>

Người lập biểu



Nguyễn Đình Phong

Kế toán trưởng



Nguyễn Khắc Thiện

Lập, ngày 24 tháng 5 năm 2017



Trần Văn Long

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Địa chỉ: Số 155 Đường Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		272.526.040.051	515.449.041.212
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(204.820.905.278)	(440.850.231.698)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(32.374.737.100)	(61.544.614.261)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(17.847.074.894)	(15.946.844.498)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(2.207.690)	(1.356.380.954)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		42.909.151.806	3.411.955.900
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(36.324.798.499)	(388.482.696)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		24.065.468.396	(1.225.556.995)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.046.300.000)	(16.348.312.905)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		477.400.000	1.018.181.817
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(3.800.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		2.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		337.878.227	383.691.181
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(3.031.021.773)	(14.946.439.907)

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Địa chỉ: Số 155 Đường Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số tiền	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		9.358.010.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		146.169.710.021	211.298.617.743
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(186.843.920.311)	(195.163.979.245)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(3.000.000.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(31.316.200.290)</i>	<i>13.134.638.493</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(10.281.753.667)	(3.037.358.404)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	15.390.373.662	18.427.737.066
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>5.108.624.995</u>	<u>15.390.373.662</u>

Người lập biểu



Nguyễn Đình Phong

Kế toán trưởng



Nguyễn Khắc Thiện

Lập, ngày 05 tháng 5 năm 2017



Trần Văn Long

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 135 Đường Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Thi công công trình giao thông
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong năm**
 - Thi công công trình giao thông
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường:** Trong vòng 12 tháng

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định khác	03 - 05
Phần mềm quản lý	03 - 05

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bộp gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

12. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái....

14. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển...

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...); chi phí bằng tiền khác (tiếp khách, hội nghị khách hàng...).

15. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Công ty phân loại các tài sản tài chính thành các nhóm: tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

16. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Công ty phân loại nợ phải trả tài chính thành các nhóm: nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được phân loại là ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh nếu được nắm giữ để kinh doanh hoặc được xếp vào nhóm phân ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm ghi nhận ban đầu.

Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm chứng khoán nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được phát hành hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
- Công ty có ý định nắm giữ nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn;
- Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Giá trị ghi sổ ban đầu của nợ phải trả tài chính

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

17. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**18. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	8.002.112	776.738.251
Tiền gửi ngân hàng	2.900.622.883	8.003.640.411
Các khoản tương đương tiền (*)	2.200.000.000	6.610.000.000
Cộng	<u>5.108.624.995</u>	<u>15.390.378.662</u>

(*) Là tiền gửi kỳ hạn 3 tháng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An, lãi suất 4,8%/năm.

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là khoản tiền gửi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An với kỳ hạn 6 tháng, lãi suất 5,7%/năm.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>119.883.340.168</i>	<i>96.347.304.081</i>
Ban QLGT Nghệ An	2.430.528.536	11.940.076.510
Công ty CP ĐT & PT Nhà Hà Nội số 30	4.490.699.000	4.751.671.000
Công ty cổ phần 484	5.141.721.176	7.467.506.591
Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4	60.807.392.587	36.284.569.490
Ban quản lý dự án 4	12.523.692.213	-
Ban QLDA đầu tư & XD Tổng công ty	4.859.664.451	3.035.578.451
Công ty CP đầu tư xây dựng Tuấn Lộc	4.677.776.325	-
Các khách hàng khác	24.951.865.880	32.867.902.039
Cộng	<u>119.883.340.168</u>	<u>96.347.304.081</u>

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>14.273.359.114</i>	<i>24.535.809.817</i>
Công ty Cổ phần XDCT & ĐT 120	8.655.317.782	9.155.317.782
Công ty Cổ phần đường bộ Đắk Lắk	-	5.682.375.000
Bà Hoàng Thị Hạnh	-	2.284.340.144
Công ty Cổ phần Đại Trường Thịnh	-	1.700.000.000
Các nhà cung cấp khác	5.618.041.332	5.713.776.891
Cộng	<u>14.273.359.114</u>	<u>24.535.809.817</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Là khoản cho vay Ban Quản lý dự án 4 vay vốn với lãi suất 0% để thi công giải phóng mặt bằng, thời hạn vay dưới 01 năm và có thể điều chỉnh theo thỏa thuận của hai bên.

6. Phải thu ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>100.000.000</i>	<i>108.081.756</i>
Tạm ứng TV HĐQT, BKS, BGĐ	100.000.000	108.081.756
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>36.969.206.058</i>	<i>39.428.935.924</i>
Ký cược, ký quỹ	26.309.000	8.026.309.000
Trung tâm Tư vấn Thiết kế và Kiểm định XD	810.256.265	1.010.338.710
Tạm ứng đội thi công	34.084.216.712	29.669.353.119
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.048.424.081	722.935.095
Cộng	<u>37.069.206.058</u>	<u>39.537.017.680</u>

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	(1.347.421.945)
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.830.199.290)
Hoàn nhập dự phòng	-
Số cuối năm	<u>(3.177.621.235)</u>

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1.609.099.871	-	5.942.081.634	-
Công cụ, dụng cụ	9.049.735	-	28.480.735	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	253.384.212.673	-	306.060.825.173	-
Cộng	<u>255.002.362.279</u>	<u>-</u>	<u>312.031.387.542</u>	<u>-</u>

9. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>13.735.898.000</i>	<i>1.935.898.000</i>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội số 30 (*)	1.935.898.000	1.935.898.000
Công ty TNHH MTV tổng đội TNXP Trường Sơn (**)	11.800.000.000	-
Cộng	<u>13.735.898.000</u>	<u>1.935.898.000</u>

(*) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 1332/HĐHTKD ngày 25 tháng 11 năm 2009 với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội số 30 để thực hiện dự án nhà chung cư B82. Dự án có vị trí tại thành phố Vinh - Tỉnh Nghệ An và đang trong giai đoạn thi công móng. Tổng mức đầu tư của dự án là: 65,376 tỷ đồng, dự kiến hoàn thành vào quý I năm 2012. Do ảnh hưởng của thị trường bất động sản chưa có dấu hiệu tích cực nên dự án tạm thời dừng triển khai từ năm 2011, dự án sẽ

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tiếp tục được triển khai khi thị trường bất động sản tại Vinh có dấu hiệu phục hồi. Số tiền đã góp vốn hợp tác kinh doanh là 1.935.898.000 đồng.

(**) Hợp đồng nguyên tắc hợp tác đầu tư số 05/HĐHTKD ngày 02 tháng 01 năm 2014 với Công ty TNHH MTV tổng đội TNXP Trường Sơn (gọi tắt Công ty Trường Sơn) để thực hiện các chương trình dự án, Công trình do Công ty Trường Sơn đầu tư, khai thác thực hiện; phạm vi là đầu tư vốn và cùng tham gia thực hiện và phân chia lãi lỗ; thời gian hợp tác là 5 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Biên bản về việc thỏa thuận hợp tác thi công xây dựng ngày 20/05/2014 Công trình đường Hồ Chí Minh đoạn La Sơn - Túy Loan với khối lượng giá trị hợp tác hợp đồng khoảng 100 tỷ đồng. Số tiền đã góp vốn hợp tác kinh doanh là 11.800.000.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định hữu hình**

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Số đầu năm	5.368.809.942	109.120.720.297	34.427.038.487	765.379.208	149.681.947.934
Mua trong năm	-	1.860.272.728	-	-	1.860.272.728
Giảm trong kỳ do thanh lý	-	(1.134.405.670)	(2.700.335.482)	-	(3.834.741.152)
Số cuối năm	5.368.809.942	109.846.587.355	31.726.703.005	765.379.208	147.707.479.510
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.031.558.380	37.376.697.564	8.983.007.773	529.583.405	47.920.847.122
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	2.812.158.447	61.766.003.465	25.929.251.750	648.888.748	91.156.302.410
Tăng trong năm do khấu hao	388.450.160	9.212.263.692	3.050.354.117	47.214.740	12.698.282.709
Giảm trong năm do thanh lý	-	(707.946.453)	(2.700.335.482)	-	(3.408.281.935)
Số cuối năm	3.200.608.607	70.270.320.704	26.279.270.385	696.103.488	100.446.303.184
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	2.556.651.495	47.354.716.832	8.497.786.737	116.490.460	58.525.645.524
Số cuối năm	2.168.201.335	39.576.266.651	5.447.432.620	69.275.720	47.261.176.326

Tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 23.025.246.440 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

Là phần mềm máy vi tính

Tình hình biến động của Tài sản cố định vô hình trong năm như sau:

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Khấu hao lũy kế</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	85.000.000	48.993.056	36.006.944
Mua trong năm	-	-	-
Khấu hao trong năm	-	21.250.000	(21.250.000)
Số cuối năm	85.000.000	70.243.056	14.756.944

12. Chi phí trả trước dài hạn

Tình hình biến động của chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Kết chuyển vào chi phí SXKD trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công cụ, dụng cụ	749.493.498	43.454.545	534.450.532	258.497.511
Cộng	749.493.498	43.454.545	534.450.532	258.497.511

13. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>141.758.107.035</i>	<i>150.093.543.217</i>
Tổng Công ty Xây dựng Công trình Giao thông	27.390.175.584	29.295.400.622
Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Bình Lộc	6.572.505.601	7.206.985.145
Công ty TNHH Mai Anh	6.591.379.770	6.102.574.790
Công ty TNHH Nhựa đường Petrolimex	5.237.911.200	4.674.010.000
Công ty Cổ phần Cao su Miền Trung	9.328.995.599	9.395.548.929
Công ty Cổ phần Xây dựng Đồng Thuận	3.478.017.135	8.288.568.771
Các nhà cung cấp khác	83.159.122.146	85.130.454.960
Cộng	141.758.107.035	150.093.543.217

14. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>71.802.998.271</i>	<i>110.403.588.009</i>
Ban Quản lý dự án 46	32.672.419.515	9.032.375.145
Ban Quản lý dự án nâng cấp đô thị thành phố Cà Mau	11.092.900.186	16.601.139.428
Cục Quản lý đường bộ 2	-	18.690.000.000
Sở giao thông Đồng Tháp	14.249.979.000	15.655.159.000
Công ty TNHH MTV tổng đội TNXP Trường Sơn	9.536.631.402	8.800.000.000
Các khách hàng khác	4.251.068.168	41.624.914.436
Cộng	71.802.998.271	110.403.588.009

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số phải thu	Số phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	5.699.083.871	13.015.053.452	5.185.071.597	-	13.529.065.726
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	346.981.045	175.426.959	2.207.690	-	520.200.314
Thuế thu nhập cá nhân	-	271.740.182	2.377.560	288.908.625	14.790.883	-
Thuế tài nguyên	-	72.848.400	-	-	-	72.848.400
Thuế nhà đất	-	41.017.000	344.148.630	217.150.130	-	168.015.500
Các loại thuế khác	-	409.705.463	325.689.967	463.087.303	-	272.308.127
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	14.284.000	-	-	-	14.284.000
Cộng	-	6.855.659.961	13.862.696.568	6.156.425.345	14.790.883	14.576.722.067

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất thuế 10%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác công ty kê khai và nộp theo quy định

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	6.740.974.194	10.817.105.707
Chi phí lãi vay phải trả	2.957.465.986	3.887.586.783
Trích trước chi phí ăn ca	26.298.353	520.963.379
Trích trước chi phí công trình	3.757.209.855	6.408.555.545
Cộng	6.740.974.194	10.817.105.707

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**17. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>1.331.082.127</i>	<i>1.332.322.127</i>
Phải trả khác thành viên HĐQT, BKS, BGD	1.331.082.127	1.332.322.127
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>91.308.212.426</i>	<i>73.825.707.410</i>
Kinh phí công đoàn	226.982.889	115.607.524
Bảo hiểm xã hội	8.205.446.592	5.194.264.575
Bảo hiểm y tế	580.354.113	67.328.412
Bảo hiểm thất nghiệp	228.481.490	29.299.938
Trung tâm tư vấn thiết kế	-	1.010.338.710
Phải trả đội thi công	4.183.769.625	5.047.635.239
Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 4	75.846.479.285	61.727.477.176
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.036.698.432	633.755.836
Cộng	<u>92.639.294.553</u>	<u>75.158.029.537</u>

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Khả năng trả nợ</u>
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>107.491.532.631</i>	<i>107.491.532.631</i>	<i>141.806.338.921</i>	<i>141.806.338.921</i>
Vay ngắn hạn ngân hàng	87.205.199.449	87.205.199.449	127.435.493.739	127.435.493.739
Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Vinh	-	-	16.921.666.343	16.921.666.343
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Nghệ An (a)	54.992.927.116	54.992.927.116	57.972.817.942	57.972.817.942
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Vinh (b)	19.345.007.270	19.345.007.270	28.415.343.101	28.415.343.101
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Nghệ An ©	9.837.473.850	9.837.473.850	15.632.074.456	15.632.074.456
Ngân hàng TMCP HD Bank - Chi nhánh Nghệ An	-	-	8.493.591.897	8.493.591.897
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Nghệ An (d)	2.609.791.213	2.609.791.213	-	-
Ngân hàng TMCP đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (e)	420.000.000	420.000.000	-	-
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	15.510.000.000	15.510.000.000	14.010.000.000	14.010.000.000
Ban Quản lý Dự án 4	15.510.000.000	15.510.000.000	14.010.000.000	14.010.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	1.557.131.182	1.557.131.182	282.807.682	282.807.682
Vay dài hạn đến hạn trả	3.219.202.000	3.219.202.000	78.037.500	78.037.500
Cộng	<u>107.491.532.631</u>	<u>107.491.532.631</u>	<u>141.806.338.921</u>	<u>141.806.338.921</u>

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2016/791536/HĐTD ngày 31/8/2016, tổng hạn mức tín dụng thường xuyên là 185.000.000.000 VNĐ, trong đó hạn mức cho vay, L/C, chiết khấu tối đa là 55.000.000.000 VNĐ và hạn mức bảo lãnh tối đa 130.000.000.000 VNĐ, thời hạn cấp hạn mức tín dụng 11 tháng từ 31/08/2016 đến 31/07/2017, thời hạn vay xác định theo từng hợp đồng tín dụng

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

dụng cụ thể, tài sản đảm bảo theo các hợp đồng cầm cố đã, đang và sẽ ký giữa bên thứ 3, công ty với ngân hàng, cụ thể:

-Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ 3 số 02/2013/HĐ ngày 25/10/2013 giữa ông Nguyễn Khắc Thống – Bà Hoàng Thị Mận và Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam- Chi nhánh Nghệ An, tài sản là xe ô tô con Toyota Vios biển số 37A-128.17, nguyên giá 650.000.000 VNĐ, giá trị còn lại 234.125.000 VNĐ

-Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2014/791536/HĐBD ngày 16/04/2014 ký giữa Công ty cổ phần 482 và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An, tài sản đảm bảo là các tài sản sau:

+ Máy rải bê tông nhựa nhãn hiệu Vogele, nguyên giá 2.863.636.364 VNĐ, giá trị còn lại 1.930.681.820 VNĐ.

+ Xe lu tĩnh bánh lốp nhãn hiệu Sakai, nguyên giá 681.818.182 VNĐ, giá trị còn lại 478.625.543 VNĐ.

+ Xe lu rung nhãn hiệu Dynapac, nguyên giá 1.045.454.545, giá trị còn lại 733.477.635 VNĐ.

-Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 02/2016/791536 ngày 26/9/2016 giữa Ông Trần Văn Long – Bà Nguyễn Thị Lương và Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An, tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất đối với thửa đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BS146461 do UBND thành phố Vinh cấp ngày 17/1/2014, giá trị tài sản thế chấp là 2.559.425.000 VNĐ

-Hợp đồng thế chấp tài sản số 02/2014/791536/HĐBD ngày 18/6/2014, tài sản đảm bảo là các tài sản sau:

+ Máy rải nhựa bánh xích nhãn hiệu Volgele, nguyên giá 2.000.000.000 VNĐ, giá trị còn lại 1.309.259.261 VNĐ.

+ Máy xi tec chỡ nước nhãn hiệu DongFeng, nguyên giá 599.263.636 VNĐ, giá trị còn lại 418.057.725 VNĐ.

- Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/2016/791536/HĐBD ngày 12/12/2016, tài sản đảm bảo là các máy móc, phương tiện vận tải, tổng giá trị tài sản đảm bảo là 32.186.132.231 VNĐ.

(b) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Vinh theo các hợp đồng tín dụng từng lần, lãi suất cho vay cố định 8,4%, thời hạn cho vay tối đa 09 tháng kể từ ngày rút vốn vay, tài sản đảm bảo bao gồm:

+ Phương tiện vận tải, xe máy chuyên dùng của công ty bao gồm: 8 xe tải ben, 1 xe bán tải, 4 máy xúc đào, 1 máy lu tĩnh, 1 máy ủi, 1 máy rải thảm, 03 xe lu rung và 01 xe ô tô con. Chi tiết về tài sản thế chấp, quyền và nghĩa vụ các bên quy định tại hợp đồng thế chấp tài sản ký giữa bên vay và bên cho vay.

+ Máy móc thiết bị của công ty gồm: 1 bộ dân khoan cọc nhồi và 01 trạm trộn bê tông. Chi tiết về tài sản thế chấp, quyền và nghĩa vụ của các bên quy định tại hợp đồng thế chấp tài sản ký giữa bên vay và bên cho vay.

+ Quyền sử dụng đất và nhà ở của ông Nguyễn Khánh Thạch và ông Lê Hòa Nguyễn tại khối Trung Nghĩa – Phường Đông Vinh – Thành phố Vinh – Tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 800933 do UBND Thành phố Vinh cấp ngày 4/3/2008. Chi tiết về tài sản thế chấp, quyền và nghĩa vụ của các bên quy định tại hợp đồng thế chấp tài sản ký giữa bên vay và bên cho vay.

(c) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Nghệ An mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động/ phát hành bảo lãnh thanh toán để thực hiện Hợp đồng thi công xây dựng số 07/HĐ-XD.2015 ngày 23/07/2015.

Biện pháp đảm bảo tiền vay: Thế chấp Quyền sử dụng đất của ông Đặng Văn Luận và Bà Nguyễn Thị Bích Đào theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 886472, số vào sổ cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất: H03651/QSDĐ 2847/2009. Thế chấp xe ô tô con nhãn hiệu Toyota theo Giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 037218 cấp cho ông Nguyễn Khắc Thiện ngày 19/05/2014. Thế chấp thiết bị nghiền sàng đá.

10/01/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(d) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động/ phát hành bảo lãnh thanh toán để thực hiện Hợp đồng thi công xây dựng số 07/HĐ-XD.2015 ngày 23/07/2015.

Biện pháp đảm bảo tiền vay: Thế chấp Quyền sử dụng đất của ông Đặng Văn Luận và Bà Nguyễn Thị Bích Đào theo Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 886472, sổ vào sổ cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất: H03651/QSĐĐ 2847/2009. Thế chấp xe ô tô con nhãn hiệu Toyota theo Giấy Chứng nhận đăng ký xe ô tô số 037218 cấp cho ông Nguyễn Khắc Thiện ngày 19/05/2014. Thế chấp thiết bị nghiền sàng đá.

(e) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam – Chi nhánh Nghệ An theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 2712.01/2016/HĐHMTD/PVB-CNNA, hạn mức tín dụng 6.800.000.000 VNĐ, dư nợ cho vay tối đa 6.800.000.000 VNĐ, thời hạn cấp hạn mức 12 tháng, thời hạn khoản vay tối đa 10 tháng kể từ ngày giải ngân, tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất theo thửa đất số 13, tờ bản đồ số 27 tại địa chỉ Khối Trường Phúc, phường Hưng Phúc, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AK 856344 do ủy ban nhân dân thành phố Vinh cấp ngày 15/01/2008, chủ sở hữu là ông Trần Văn Long và Bà Nguyễn Thị Lương.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển từ vay dài hạn	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn ngân hàng	127.435.493.739	142.219.710.021	-	(182.450.004.311)	87.205.199.449
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	14.010.000.000	1.500.000.000	-	-	15.510.000.000
Vay ngắn hạn các cá nhân	282.807.682	2.450.000.000	-	(1.175.676.500)	1.557.131.182
Vay dài hạn đến hạn trả	78.037.500	-	3.219.202.000	(78.037.500)	3.219.202.000
Cộng	141.806.338.921	146.169.710.021	3.219.202.000	(183.703.718.311)	107.491.532.631

19. Phải trả dài hạn khác

Là khoản nhận ký quỹ, ký cược dài hạn.

20. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	2.287.572.545	2.287.572.545	8.646.976.545	8.646.976.545
Vay dài hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương - Chi nhánh Nghệ An (a)	1.238.271.000	1.238.271.000	6.112.355.000	6.112.355.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển - Chi nhánh Nghệ An (b)	1.049.301.545	1.049.301.545	2.534.621.545	2.534.621.545
Cộng	2.287.572.545	2.287.572.545	8.646.976.545	8.646.976.545

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (a) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương – Chi nhánh Nghệ An với lãi suất thả nổi nhằm đầu tư máy móc, thiết bị. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.
- (b) Là khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển – Chi nhánh Nghệ An với lãi suất thả nổi nhằm đầu tư máy móc, thiết bị. Và khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Chuyển nợ dài hạn đến hạn trả</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vay dài hạn ngân hàng	8.646.976.545		(3.219.202.000)	(3.140.202.000)	2.287.572.545
Cộng	8.646.976.545	-	(3.219.202.000)	(3.140.202.000)	2.287.572.545

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	3.219.202.000	78.037.500
Trên 1 năm đến 5 năm	2.287.572.545	8.646.976.545
Trên 5 năm	-	-
Cộng	5.506.774.545	8.725.014.045

21. Dự phòng phải trả dài hạn

Là khoản dự phòng bảo hành công trình đã hoàn nhập trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**22. Vốn chủ sở hữu***Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số đầu năm trước	30.000.000.000	4.016.189.000	6.483.811.000	3.901.181.391	44.401.181.391
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	621.409.623	621.409.623
Trích lập các quỹ	-	-	-	(901.191.391)	(901.191.391)
Chia cổ tức, lợi nhuận	-	-	-	(3.000.000.000)	(3.000.000.000)
Số dư cuối năm trước	30.000.000.000	4.016.189.000	6.483.811.000	621.399.623	41.121.399.623
Số dư đầu năm nay	30.000.000.000	4.016.189.000	6.483.811.000	621.399.623	41.121.399.623
Tăng vốn từ nguồn thặng dư và quỹ (*)	10.499.460.000	(4.015.649.000)	(6.483.811.000)	-	-
Chi phí đợt phát hành cổ phiếu trong năm	-	(142.530.000)	-	-	(142.530.000)
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền (*)	9.500.540.000	-	-	-	9.500.540.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	47.047.004	47.047.004
Giảm do bù trừ các khoản phạt theo Nghị quyết (**)	-	-	-	(560.692.762)	(560.692.762)
Trích lập các quỹ (**)	-	-	-	(60.706.861)	(60.706.861)
Số dư cuối năm nay	50.000.000.000	(141.990.000)	-	47.047.004	49.905.057.004

(*) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 số 43/NQ-ĐHĐCD ngày 23 tháng 4 năm 2015, Công ty phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn thặng dư vốn cổ phần và quỹ đầu tư phát triển theo tỷ lệ 100/35 (Nghĩa là mỗi cổ đông hiện hữu sở hữu 100 cổ phiếu được nhận 35 cổ phiếu mới). Theo Báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng số 16/HDQT-CT ngày 02 tháng 03 năm 2016, Công ty Cổ phần 482 đã phát hành thành công 2.000.000 cổ phiếu cho cổ đông, trong đó số cổ phiếu tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu là 1.049.946 cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thu bằng tiền 950.054 cổ phiếu.

(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 32/NQ-ĐHĐCD ngày 24 tháng 4 năm 2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận năm 2015 như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	100	621.399.623
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	9,77	60.706.861
Bù đắp tiền phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm xã hội	90,23	560.692.762

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.000.000	3.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.000.000	3.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu thuần**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu hoạt động xây lắp	304.968.932.407	446.000.690.704
Giảm trừ doanh thu	(730.145.247)	-
Cộng	<u>304.238.787.160</u>	<u>446.000.690.704</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hoạt động xây lắp	276.246.267.225	409.285.660.675
Cộng	<u>276.246.267.225</u>	<u>409.285.660.675</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	337.878.227	383.691.181
Cộng	<u>337.878.227</u>	<u>383.691.181</u>

4. Chi phí hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	16.916.954.097	19.493.745.768
Cộng	<u>16.916.954.097</u>	<u>19.493.745.768</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	4.712.289.798	8.001.166.350
Chi phí vật liệu quản lý	503.576.934	295.063.861
Chi phí khấu hao tài sản cố định	157.969.168	487.841.002
Thuế, phí và lệ phí	118.354.354	-
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	1.830.199.290	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	252.026.703	1.529.846.674
Chi phí bằng tiền khác	3.020.700.010	6.179.205.517
Cộng	<u>10.595.116.257</u>	<u>16.493.123.404</u>

6. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	7.540.783	458.035.331
Thu tiền phạt	13.657.100	19.813.700
Thu nhập khác	37.609.104	367.689.723
Cộng	<u>58.806.987</u>	<u>845.538.754</u>

7. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu, phạt chậm nộp bảo hiểm	654.660.832	715.445.399
Chi phí khác	-	71.425.982
Cộng	<u>654.660.832</u>	<u>786.871.381</u>

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành năm 2016 được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	222.473.963	1.170.519.411
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	654.660.832	715.445.399
- Các khoản điều chỉnh tăng		
Phạt chậm nộp thuế, bảo hiểm	654.660.832	715.445.399
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	877.134.795	1.885.964.810
Thu nhập tính thuế	877.134.795	1.885.964.810
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	175.426.959	414.912.258
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	175.426.959	414.912.258
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	134.197.530
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>175.426.959</u>	<u>549.109.788</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	47.047.004	621.409.623
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(4.596.492)	(60.706.861)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(4.596.492)	(60.706.861)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	42.450.512	560.702.762
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	4.851.917	4.049.946
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>9</u>	<u>138</u>

(*) Tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2016 theo tỷ lệ 9,77% căn cứ tỷ lệ trích lập năm 2015 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 24 tháng 4 năm 2016.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	3.000.000	3.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm	801.971	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành năm 2016 từ thặng dư vốn cổ phần	401.565	401.565
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành năm 2016 từ quỹ đầu tư phát triển	648.381	648.381
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	<u>4.851.917</u>	<u>4.049.946</u>

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	103.208.291.978	257.917.822.372
Chi phí nhân công	34.895.349.838	56.485.827.471
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.719.532.709	12.797.635.272
Chi phí dự phòng	1.830.199.290	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54.258.494.523	111.499.114.945
Chi phí khác	27.449.338.142	8.444.120.936
Cộng	<u>234.361.206.480</u>	<u>447.144.520.996</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****1. Các giao dịch không bằng tiền**

Trong năm Công ty phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chuyển khoản ký quỹ, ký cược thành khoản hợp tác đầu tư	8.000.000.000	-

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch với các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:*

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập Ban lãnh đạo:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị, ban kiểm soát</i>		
Tiền lương, tiền thù lao	1.010.189.600	1.048.721.200

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa công ty với các thành viên quản lý chủ chốt:

	<u>Năm nay</u>
<i>Ban Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị, ban kiểm soát</i>	
Tạm ứng trong năm	90.200.000
Hoàn trả tiền tạm ứng	97.041.756

Tại ngày kết thúc năm tài chính công nợ của các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh V.6; V.17/.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực thi công công trình;

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính**

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.108.624.995	15.390.378.662	5.108.624.995	15.390.378.662
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	2.000.000.000	-	2.000.000.000
Phải thu khách hàng	116.705.718.933	94.999.882.136	116.705.718.933	94.999.882.136
Các khoản cho vay	7.008.000.000	7.008.000.000	7.008.000.000	7.008.000.000
Các khoản phải thu khác	50.805.104.058	41.472.915.680	50.805.104.058	41.472.915.680
Cộng	179.627.447.986	160.871.176.478	179.627.447.986	160.871.176.478
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ	109.779.105.176	150.453.315.466	109.779.105.176	150.453.315.466
Phải trả cho người bán	141.758.107.035	150.093.543.217	141.758.107.035	150.093.543.217
Các khoản phải trả khác	108.630.401.490	97.625.578.029	108.630.401.490	97.625.578.029
Cộng	360.167.613.701	398.172.436.712	360.167.613.701	398.172.436.712

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phân ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải trả cho người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản phải thu và cho vay có lãi suất cố định hoặc thay đổi được đánh giá dựa trên các thông tin như lãi suất, rủi ro, khả năng trả nợ và tính chất rủi ro liên quan đến khoản nợ. Trên cơ sở đánh giá này Công ty ước tính dự phòng cho phần có khả năng không thu hồi được.
- Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá công bố giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết được ước tính bằng các phương pháp định giá phù hợp.

4. Tài sản đảm bảo**Tài sản thế chấp cho đơn vị khác**

Công ty đã thế chấp tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay của ngân hàng. Thông tin về việc thế chấp tài sản cho đơn vị khác như sau:

Tài sản thế chấp	Giá trị còn lại
Số cuối năm	
Giá trị còn lại TSCĐ thế chấp	23.025.246.440
Cộng	23.025.246.440

5. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính là tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ khoản rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc các đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động ở nhiều lĩnh vực khác nhau.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

6. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Vay và nợ	107.491.532.631	2.287.572.545	-	109.779.105.176
Phải trả người bán	141.758.107.035	-	-	141.758.107.035
Các khoản phải trả khác	107.879.556.724	750.844.766	-	108.630.401.490
Cộng	357.129.196.390	3.038.417.311	-	360.167.613.701
Số đầu năm				
Vay và nợ	141.806.338.921	8.646.976.545	-	150.453.315.466
Phải trả người bán	150.093.543.217	-	-	150.093.543.217
Các khoản phải trả khác	96.653.069.823	972.508.206	-	97.625.578.029
Cộng	388.552.951.961	9.619.484.751	-	398.172.436.712

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

7. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Rủi ro ngoại tệ***

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để có được các lãi suất có lợi nhất và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là các chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC.

Trong năm, Công ty đã tăng vốn điều lệ từ thặng dư vốn cổ phần và quỹ đầu tư phát triển. Vì vậy lãi cơ bản trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại theo số cổ phiếu phát hành thêm này.

Chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" được điều chỉnh lại như sau (xem thuyết minh VI.10):

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính tổng hợp đã kiểm toán năm trước	Số liệu điều chỉnh lại
<i>Báo cáo kết quả kinh doanh tổng hợp</i>			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	207	138

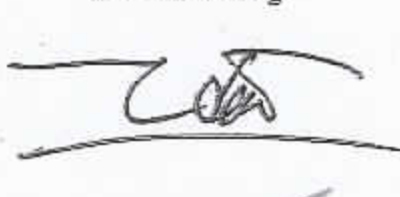
Lập ngày 24 tháng 5 năm 2017

Người lập biểu



Nguyễn Đình Phong

Kế toán trưởng



Nguyễn Khắc Thiện



Trần Văn Long

CÔNG TY CỔ PHẦN 482

Số 155 Đường Trường Chinh, Thành phố Vinh, Tỉnh Nghệ An

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Phụ lục 01: Chi tiết các khoản nợ xấu và trích lập dự phòng nợ phải thu khách hàng ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc
Các tổ chức và cá nhân khác		3.177.621.235	3.177.621.235	1.628.396.173
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Giao thông Miền Trung	Quá hạn trên 3 năm	226.440.350	226.440.350	226.440.350
Công ty Bảo hiểm Petrolimex	Quá hạn trên 3 năm	51.680.000	51.680.000	51.680.000
Xí nghiệp thương mại và xây dựng công trình Hà Nội	Quá hạn trên 3 năm	175.522.517	175.522.517	175.522.517
Công ty Đường bộ Nghệ An	Quá hạn trên 3 năm	1.117.348.306	1.117.348.306	1.117.348.306
Công ty Cổ phần Xây dựng công trình 502	Quá hạn trên 3 năm	327.264.605	327.264.605	
Công ty xây dựng 72	Quá hạn trên 3 năm	404.012.121	404.012.121	
Xí nghiệp thi công cơ giới - Công ty 789/BQP	Quá hạn trên 3 năm	388.715.000	388.715.000	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	Quá hạn trên 3 năm	486.638.336	486.638.336	57.405.000
Cộng		3.177.621.235	3.177.621.235	1.628.396.173
	Quá hạn trên 3 năm			57.405.000
				1.347.421.945